TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh

Ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Như N, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh N1, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trần Minh N1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang năm 2020. Thời

gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 11/2020 đến nay anh chị đã sống ly thân.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh N1.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Tại đơn xin vắng mặt anh N1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N xin ly hôn, anh đồng ý.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Chị N và anh N1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như N yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh N1 nên đây là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh N1 có nơi cư trú tại ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N là nguyên đơn và anh N1 là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt Chị N, anh N1.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh N1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 21/4/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa Chị N và anh N1 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Thấy rằng, giữa Chị N và anh N1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa Chị N và anh N1 đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Theo đơn xin vắng mặt anh N1 có ý kiến đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh N1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như N

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như N được ly hôn với anh Trần Minh N1.

2. Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020457 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên Chị N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, Chị N, anh N1 được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Phong;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ
Đỗ Thị Hồng Quyên